

Số: 14 /KL - TTr

Ninh Bình, ngày 22 tháng 01 năm 2024

KẾT LUẬN
Về việc thanh tra chuyên ngành
Trường Mầm non Gia Thanh, huyện Gia Viễn

Thực hiện Quyết định số 54/QĐ-TTr ngày 01/12/2023 của Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thanh tra chuyên ngành Trường Mầm non Gia Thanh, huyện Gia Viễn, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trường Mầm non Gia Thanh từ ngày 18/12/2023. Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 06/01/2024 của Trường đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Mầm non Gia Thanh (Trường) được thành lập năm 2003. Năm 2010, Trường được chuyển đổi từ loại hình trường bán công sang trường mầm non công lập theo Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn. Trải qua 21 năm xây dựng và trưởng thành, Trường luôn nhận được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương, phong trào và chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên. Tháng 9/2015, Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1; tháng 4/2017 đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2; Tháng 12/2023 được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2, đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

Đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2013, hằng năm luôn duy trì đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi theo quy định. Năm học 2021-2022, Trường hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm học 2022-2023, Trường được Chủ tịch UBND huyện Gia Viễn tặng “Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Hiện tại, đơn vị có 03 điểm trường (điểm trường khu Trung tâm đặt tại thôn Thượng Hòa; 02 điểm trường lẻ đặt tại xóm 02, thôn Thượng Hòa và thôn Phương Đông, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn). Tại thời điểm thanh tra, Trường có 43 cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV); có 15 nhóm, lớp với 407 trẻ.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Công tác tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

1. Việc ban hành văn bản, quản lý văn bản của đơn vị; phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường

Các năm học (trong thời kỳ thanh tra), các văn bản của Trường ban hành về cơ bản thực hiện đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục và thẩm quyền; văn bản được truyền đạt kịp thời các thông tin quản lý tới các tổ, bộ phận, cá nhân trong nhà trường¹. Quản lý văn bản đi, đến cơ bản đảm bảo quy định theo Nghị định

¹ Thông qua việc đăng tải trên trang Thông tin điện tử nhà trường; qua hệ thống phần mềm iOffice; gửi nhóm zalo trường; niêm yết công khai; gửi văn bản trực tiếp.

số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư². Các loại văn bản nhà trường ban hành (gồm: kế hoạch, quyết định, tờ trình, báo cáo, hợp đồng,...và các quy chế)³; được tổ chức triển khai, thực hiện đúng quy định.

Thực hiện phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, UBND tỉnh Ninh Bình, Sở GDĐT về lĩnh vực giáo dục, GDMN,...tới 100% CBGVNV, người lao động thông qua Hội nghị toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; qua các buổi họp trường, họp tổ chuyên môn, trên trang Website, nhóm Zalo trường,... Trường có tủ sách giáo dục pháp luật góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của CBGVNV, người lao động.

Tồn tại, hạn chế:

Còn có văn bản ban hành nội dung còn sơ sài, chưa đầy đủ, thiếu căn cứ pháp lý, có căn cứ không đúng.

2. Xây dựng bộ máy tổ chức

a) Tổ chức và quản lý nhà trường

Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường: Trong thời kỳ thanh tra, Trường có đủ các tổ chức, đoàn thể theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non (Điều lệ trường học); các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường được thành lập/kiến toàn đảm bảo cơ cấu, số lượng⁴, hằng năm xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động và triển khai các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ Trường mầm non, Điều lệ của từng tổ chức và quy định của pháp luật. Tại thời điểm thanh tra, Chi bộ Đảng có 28 đảng viên (Ban chi uỷ có 03 đồng chí); Công đoàn trường có 39 công đoàn viên (Ban chấp hành Công đoàn trường có 03 người); Chi Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 07 đoàn viên; Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 có 09 thành viên, đảm bảo cơ cấu, số lượng, được kiến toàn (theo Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 14/9/2021, Quyết định số 4941/QĐ-UBND ngày 19/12/2022); Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học, đảm bảo cơ cấu số lượng (các năm học, trong thời kỳ thanh tra Hội đồng thi đua khen thưởng có 09 thành viên)⁵, giúp hiệu

² Trường có sổ đăng ký văn bản đi- đến. Số và thời gian ban hành văn bản được lấy theo thứ tự và trình tự thời gian, thống nhất giữa văn bản giấy và văn bản điện tử. Văn bản đến (bản giấy, bản điện tử) tiếp nhận, được xử lý, vào sổ đăng ký văn bản đến, chuyển người thực hiện kịp thời, lưu văn thư khá đầy đủ.

³ Năm học 2021-2022 ban hành 128 văn bản; 2022-2023: 190 văn bản; năm học 2023-2024: 140 văn bản. Trong đó ban hành các Quy chế: Quy chế làm việc (Quyết định số 94/QĐ-TrMN ngày 31/12/2021; Quyết định số 89/QĐ-TrMN ngày 17/10/2022; Quyết định số 163/QĐ-TrMN ngày 09/10/2023); Quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường (Quyết định số 95/QĐ-TrMN ngày 31/12/2021; Quyết định số 88/QĐ-TrMN ngày 17/10/2022; Quyết định số 159/QĐ-TrMN ngày 09/10/2023). Quy chế phối hợp giữa Ban giám hiệu và Ban chấp hành công đoàn ngày 14/10/2022; 06/10/2023. Bộ quy tắc ứng xử (Quyết định số 70/QĐ-TrMN ngày 22/9/2022; Quyết định số 143/QĐ-TrMN ngày 20/9/2023).

⁴ Quyết định chuẩn y kết quả bầu cử cấp uỷ Chi bộ: Quyết định số 24-QĐ/ĐU ngày 31/05/2022; Quyết định số 68/QĐ-LĐLĐ ngày 21/03/2023 của Liên đoàn Lao động huyện Gia Viễn về việc công nhận Ban chấp hành, chức danh Chủ tịch Công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2023-2028; Quyết định kiến toàn Ban chấp hành Chi đoàn, Chức danh Bí thư Chi đoàn, Phó Bí thư Chi đoàn (Quyết định số 03-QĐ/ĐTN ngày 08/10/2021; Quyết định số 04-QĐ/ĐTN ngày 17/10/2022; Quyết định số 01-QĐ/ĐTN ngày 12/8/2023).

⁵ Quyết định thành lập hội đồng Thi đua- Khen thưởng (Quyết định số 85/QĐ-TrMN ngày 28/12/2021; Quyết định số 91/QĐ-TrMN ngày 18/10/2022; Quyết định số 172/QĐ-TrMN ngày 19/10/2023).

trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBGVNV trong nhà trường...⁶.

Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng: Trường có 02 tổ chuyên môn (tổ nhà trẻ, tổ mẫu giáo) và tổ văn phòng; các năm học, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ đảm bảo thành phần, cơ cấu, số lượng, đồng thời bổ nhiệm chức danh Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chuyên môn và Tổ trưởng tổ văn phòng theo quy định. Tại thời điểm thanh tra, tổ chuyên môn nhà trẻ có 12 người (06 giáo viên, 06 nhân viên nấu ăn); tổ chuyên môn mẫu giáo có 24 giáo viên; tổ văn phòng có 04 người (01 nhân viên kế toán, 03 nhân viên bảo vệ). Các tổ chuyên môn sinh hoạt một tháng 02 lần, tổ văn phòng sinh hoạt một tháng 01 lần; các tổ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cơ bản phù hợp với tình hình của nhà trường, Điều lệ trường học.

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: trong các năm học, Trường tiếp nhận trẻ từ 24 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi; bố trí trẻ học ở các nhóm, lớp đúng độ tuổi⁷; trẻ đến trường được NDCSGD theo chương trình GDMN phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ. Hiện tại, Trường có 15 nhóm, lớp (bình quân: 20 trẻ/nhóm 24- 36 tháng tuổi; 23 trẻ/lớp 3-4 tuổi; 33 trẻ/lớp 4-5 tuổi, 31 trẻ/lớp 5-6 tuổi).

b) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Cán bộ quản lý: Hiện tại, Trường có Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng; có trình độ đào tạo chuyên môn trên chuẩn, trình độ Trung cấp Lý luận chính trị và được bồi dưỡng Quản lý giáo dục, có năng lực quản lý, có tinh thần trách nhiệm cao; hàng năm được cấp quản lý đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Giáo viên, giáo viên kiêm nhiệm: năm học 2021-2022, Trường có 30 giáo viên (tính cả giáo viên hợp đồng trường), trong đó Đại học sư phạm GDMN: 28/30 giáo viên, chiếm 93,3%; Trung cấp SPMN: 02/30 giáo viên, chiếm 6,6%, tỷ lệ giáo viên/nhóm, lớp là 2,1; năm học 2022-2023, có 30 giáo viên (Đại học: 29/30 giáo viên, chiếm 96,6%, Trung cấp: 01/30 giáo viên, chiếm 3,4%), tỷ lệ giáo viên/nhóm lớp là 2,0; tại thời điểm thanh tra, Trường có 30 giáo viên, trong đó Đại học: 28/30 giáo viên, chiếm 93,3%, Trung cấp SPMN: 02/30 giáo viên, chiếm 6,6% (01 giáo viên biên chế đang theo học Đại học sư phạm GDMN, 01 giáo viên hợp đồng trường từ ngày 14/12/2023), tỷ lệ giáo viên/nhóm, lớp là 1,9 (không tính giáo viên hợp đồng trường). Trường có 07 giáo viên kiêm nhiệm vụ; giáo viên có năng lực chuyên môn, ý thức trách nhiệm trong công việc, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

Nhân viên: Hiện tại, Trường có 10 nhân viên, trong đó: 01 nhân viên Kế toán (Đại học) kiêm nhiệm vụ văn thư; Y tế học đường (Trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng theo dõi công tác y tế trường học và phối hợp với Trạm y tế xã Gia Thanh cử

⁶ Năm học 2021-2022, Trường hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 01 cá nhân đạt Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở", 02 cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, 01 cá nhân được Giám đốc Sở tặng Giấy khen, 07 cá nhân đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến. Năm học 2022-2023, Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen; 01 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 02 cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen; 13 cá nhân đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến.

⁷ Năm học 2021-2022, Trường có 463 trẻ/14 nhóm, lớp (nhà trẻ 77 trẻ/03 nhóm, bình quân: 25 trẻ/nhóm; mẫu giáo 386 trẻ/11 lớp, bình quân 35 trẻ/lớp mẫu giáo); các lớp 4, 5 tuổi có 45 trẻ trong lớp vượt mức quy định (do trẻ ở nơi xa về học, tránh dịch Covid-19). Năm học 2022-2023, Trường có 448 trẻ/14 nhóm, lớp (nhà trẻ 54 trẻ/02 nhóm, bình quân 27 trẻ/nhóm; mẫu giáo 394 trẻ/13 lớp, bình quân 30 trẻ/lớp); có 03 trẻ khuyết tật được NDCSGD hoà nhập theo quy định.

01 nhân viên y tế của Trạm hỗ trợ công tác y tế nhà trường); Thủ quỹ (Trường phân công 01 giáo viên kiêm nhiệm); 03 nhân viên bảo vệ; 06 nhân viên nấu ăn (trong đó 03 nhân viên nấu ăn có trình độ Trung cấp nghề).

Tồn tại, hạn chế:

Hiện tại, Trường chưa đảm bảo 2,0 giáo viên/nhóm, lớp (thiếu 01 giáo viên là viên chức); thiếu 02 nhân viên để thực hiện nhiệm vụ theo quy định; còn 06 nhân viên (nấu ăn, bảo vệ) chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghề; Trường hợp đồng 01 giáo viên dưới chuẩn chưa đảm bảo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 72, Luật giáo dục ngày 14/6/2019 (quy định trình độ đào tạo giáo viên mầm non phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên).

3. Công tác kiểm tra nội bộ trường học

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng Kế hoạch kiểm tra, ban hành Quy chế kiểm tra; tổ chức thực hiện kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định; thực hiện quy trình một cuộc kiểm tra đảm bảo theo hướng dẫn⁸. Nội dung kiểm tra tập trung: việc thực hiện nhiệm vụ được giao của lãnh đạo, giáo viên, nhân viên; hoạt động của tổ chuyên môn; công tác kiểm định chất lượng; việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; công tác thi đua khen thưởng;.... Năm học 2021-2022: tổ chức, thực hiện kiểm tra theo kế hoạch: 03 cuộc (do thời điểm dịch Covid-19); năm học 2022-2023: 11 cuộc; năm học 2023-2024 (từ đầu năm học tới thời điểm thanh tra): 05 cuộc.

Tồn tại, hạn chế:

Kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2021-2022, nội dung kiểm tra còn dàn trải, chưa trọng tâm trọng điểm, dẫn đến việc tổ chức, thực hiện các cuộc kiểm tra chưa đảm bảo theo kế hoạch đã xây dựng. Báo cáo kết quả kiểm tra một số cuộc, chưa chỉ rõ được mức độ tồn tại, hạn chế/nhược điểm và trách nhiệm của cá nhân có liên quan.

4. Thực hiện các quy định về công khai trong lĩnh vực giáo dục

Các năm học trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tổ chức thực hiện cơ bản đảm bảo quy định về công khai theo Quy chế công khai số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 26/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT⁹. Thực hiện công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên); công tác thu, chi tài chính¹⁰, kết

⁸ Quyết định thành lập Ban kiểm tra nội bộ: Quyết định số 69/QĐ-TrMN ngày 10/12/2021; Quyết định số 85/QĐ-TrMN ngày 15/10/2022; Quyết định số 167/QĐ-TrMN ngày 16/10/2023; Xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học: Kế hoạch số 68/KH-TrMN ngày 11/10/2021; Kế hoạch số 86/KH-TrMN ngày 15/10/2022; Kế hoạch số 168/KH-TrMN ngày 16/10/2023. Ban hành Quy chế kiểm tra nội bộ: Quyết định số 69a/QĐ-TrMN ngày 11/12/2021; Quyết định số 87/QĐ-TrMN ngày 15/10/2022; Quyết định số 169/QĐ-TrMN ngày 16/10/2023. Thực hiện Báo cáo sơ kết công tác kiểm tra nội bộ: Báo cáo số 101/BC-TrMN ngày 31/12/2021; Báo cáo số 06a/BC-TrMN ngày 11/01/2023; Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ: Báo cáo số 26a/BC-TrMN ngày 25/5/2022; Báo cáo số 76a/BC-TrMN ngày 31/5/2023.

Kiểm tra, xác minh 03 hồ sơ: kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo (Quyết định kiểm tra số 85/QĐ-KTrNB ngày 14/12/2021 về việc kiểm tra công tác tài chính, tài sản đối nhân viên kế toán; kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn đối với giáo viên; Quyết định số 90/QĐ-KTrNB ngày 18/10/2022 về việc kiểm tra công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường đối với Hiệu trưởng).

⁹ Xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai theo năm học (Kế hoạch số 99/KH-TrMN ngày 31/10/2021; Kế hoạch số 83b/KH-TrMN ngày 26/9/2022; Kế hoạch số 155/KH-TrMN ngày 27/9/2023). Ban hành Quy chế thực hiện công khai của nhà trường (Quyết định số 92/QĐ-TrMN ngày 15/12/2021; Quyết định số 83/QĐ-TrMN ngày 26/9/2022; Quyết định số 156/QĐ-TrMN ngày 27/9/2023).

¹⁰ Công khai thu chi tài chính (thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính). Các quyết định công bố công khai dự toán, điều

quả công nhận đơn vị đạt chuẩn quốc gia và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Hình thức công khai: đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường; niêm yết tại bảng tin nhà trường (thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết); phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ¹¹. Thời điểm công khai tháng 6 hằng năm, đầu năm học, khi có thay đổi nội dung liên quan. Hằng năm, Trường xây dựng báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai năm học và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học tới theo quy định¹².

Thực hiện công khai cơ bản đảm bảo các nội dung quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT¹³. Thông báo, công khai: tại cuộc họp cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động đầu năm học; phổ biến tại cuộc họp cha mẹ trẻ em; chia sẻ trên nhóm zalo trường, lớp; đăng tải trên trang Thông tin điện tử của trường.

Niem yết công khai Bộ quy tắc ứng xử tại bảng tin nhà trường theo quy định.

Tồn tại, hạn chế:

Một số nội dung công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường chưa kịp thời.

II. Thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục Công tác quản lý, chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn:

Trong niên độ thanh tra, Trường đã xây dựng kế hoạch NDCSGD trẻ¹⁴ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT; tổ chức thực hiện NDCSGD theo quy định; phát triển chương trình GDMN phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng, nhu cầu của trẻ; chỉ đạo tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học thực hiện chương trình GDMN, trong đó tập trung vào việc đổi mới nội dung sinh hoạt chuyên môn của tổ, tăng cường tổ chức thảo luận về các chuyên đề do Bộ GDĐT tổ chức, như: chuyên đề “xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; “tôi yêu Việt Nam”; “Giáo dục phát triển vận động”; “Giáo dục bảo vệ môi trường”. Chỉ đạo thực hiện “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”, gắn với việc nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non

chính, bổ sung, quyết toán theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính (Quyết định số 06/QĐ-NQC ngày 13/01/2021 về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Quyết định số 33/QĐ-NQC ngày 05/4/2022 về việc công bố dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Quyết định số 03a/QĐ-TrMN ngày 11/01/2022 về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30a/QĐ-TrMN ngày 23/3/2023 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022).

¹¹ Học phí và các khoản thu khác ngoài việc niêm yết công khai, đăng tải trên trang thông tin điện tử nhà trường, còn phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ đầu năm học.

¹² Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai năm học (Báo cáo số 31a/BC-TrMN 10/6/2022; Báo cáo số 72a/BC-TrMN 30/5/2023).

¹³ Công khai chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động của nhà trường; công khai các nội quy, quy chế của trường; công khai Kế hoạch năm học, học kỳ, tháng, tuần; kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược định hướng phát triển của nhà trường; Công khai các nội dung theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 26/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

¹⁴ Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (Kế hoạch số 64/KH-TrMN ngày 19/09/2022; Kế hoạch số 99/KH-MNGT ngày 18/08/2023). Kế hoạch chỉ đạo thực hiện chuyên môn năm học 2021-2022 (Kế hoạch số 57/KH-TrMN ngày 28/09/2021).

lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025”, “Xây dựng bếp ăn an toàn, hiện đại”¹⁵ đảm bảo quy định. Triển khai, thực hiện đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong soạn giảng, làm hồ sơ sổ sách (100% giáo viên soạn giáo án trên máy vi tính, đa số giáo viên biết xây dựng bài giảng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học). Hồ sơ, sổ sách chuyên môn theo quy định¹⁶, bảo quản, lưu trữ khá đầy đủ.

Quản lý chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và kết quả đạt được:

Tại thời điểm thanh tra, các bếp ăn của nhà trường đảm bảo diện tích; được xây dựng, vận hành theo quy trình bếp một chiều; trang bị khá đủ thiết bị, dụng cụ phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ; khu vực bếp sạch, gọn; lưu mẫu thức ăn đầy đủ. Trẻ ăn bán trú tại trường (đạt 100%); được cân đo, theo dõi, khám sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định và được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng (SDD); tỷ lệ trẻ SDD ở các thể giảm so với đầu năm học¹⁷. Trường quản lý khá tốt chất lượng bữa ăn của trẻ; triển khai hiệu quả các biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú; khai thác sử dụng khá hiệu quả các phần mềm bán trú; tăng cường các giải pháp chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ¹⁸; thực hiện vệ sinh thường xuyên môi trường trong và ngoài lớp học; đồ dùng vệ sinh cá nhân trẻ được đánh dấu, ký hiệu riêng; trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần.

Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN và kết quả đạt được:

Môi trường giáo dục nhà trường an toàn, lành mạnh, tận dụng không gian quy hoạch, thiết kế môi trường trong lớp và ngoài trời sinh động, hấp dẫn tạo điều kiện cho trẻ em vui chơi, trải nghiệm¹⁹; phối hợp chặt chẽ với phụ huynh, linh hoạt tuyên truyền, hướng dẫn online; zalo nhóm, lớp,... , loa phát thanh của trường; bố trí góc tuyên truyền ở các nhóm, lớp; quản tâm hình thức tuyên truyền thông qua tổ chức hoạt động thực tiễn²⁰

Giáo viên chú trọng đổi mới phương pháp giáo dục, tăng cường khuyến khích trẻ trải nghiệm, sáng tạo trong mọi hoạt động; sáng tạo trong việc xây dựng và khai

¹⁵ Kế hoạch số 56/KH-TrMN ngày 18/9/2021 kế hoạch chuyên đề “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”; Kế hoạch chuyên đề “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm (Kế hoạch số 44/KH-TrMN ngày 29/8/2022; Kế hoạch số 145/KH-TrMN ngày 22/9/2023).

¹⁶ Kế hoạch NDCSGD của nhà trường; Sổ tổng hợp kết quả theo dõi cân đo trẻ; Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên; Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn; Nghị quyết họp chuyên môn tổ; Kế hoạch NDCSGD của nhóm, lớp; Sổ theo dõi trẻ em nhóm, lớp; Sổ theo dõi tài sản, thiết bị, đồ chơi của nhóm, lớp. Hợp đồng thực phẩm; Sổ bảo ăn; Sổ thanh toán với cha mẹ; Sổ tính khẩu phần ăn; Sổ xuất nhập kho lương thực, thực phẩm; Sổ kiểm thực 3 bước; Sổ lưu mẫu thức ăn; Sổ kiểm kê kho quỹ; Sổ bán giao thực phẩm giữa các khu; Sổ theo dõi chất đốt.

¹⁷ Năm học 2021-2022, tỷ lệ SDD thể nhẹ cân giảm 7,9% so với đầu năm học; tỷ lệ SDD thể thấp còi giảm 4,2% so với đầu năm học; Năm học 2022-2023, tỷ lệ SDD thể nhẹ cân giảm 6,3% so với đầu năm học; tỷ lệ SDD thể thấp còi giảm 4,0% so với đầu năm học. Năm học 2023-2024 (tại thời điểm thanh tra) tỷ lệ suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân 6,7%; tỷ lệ SDD thể thấp còi 8,6 %; tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì 1,6%.

¹⁸ Hiện tại, tiền ăn của trẻ trong ngày là 20.000 đồng/trẻ (tăng 2.000 đồng/trẻ/ngày so với năm học trước). Thực hiện ký hợp đồng thực phẩm với Công ty TNHH thực phẩm Mạnh An để hợp đồng các loại thực phẩm phục vụ công tác nuôi dưỡng; phân công cán bộ phụ trách thường xuyên kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ nguồn thực phẩm và bữa ăn hàng ngày của trẻ; thực hiện kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn hàng ngày; công khai chế độ ăn trong ngày của trẻ. Hợp đồng nước sạch tinh khiết Công Ty TNHH TMDV An Hưng Việt theo hợp đồng số 16/AHV/HDKT/2023-NSNT ngày 03/01/2023.

¹⁹ Xây dựng khu chơi với cát nước, khu phát triển thể chất, nhà bóng, chợ quê, vườn rau cho trẻ tập trồng trọt, chăm sóc.

²⁰ Ngày hội/ngày lễ của trẻ, ngày hội dinh dưỡng, các buổi thăm quan, dã ngoại, các hoạt động-trải nghiệm nhân dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, ngày hội thể dục thể thao...

thác hiệu quả môi trường hiện có để dạy trẻ; đẩy mạnh việc tổ chức các chuyên đề²¹, lồng ghép giáo dục nội dung bảo vệ môi trường, thích ứng với môi trường và biến đổi khí hậu, bảo vệ an toàn bản thân... trong thực hiện Chương trình GDMN. Các hoạt động giáo dục được tổ chức linh hoạt, đảm bảo yêu cầu về phương pháp giáo dục; chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ (giáo dục trẻ nhà trẻ); tạo điều kiện cho trẻ mẫu giáo được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”, tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động.

Cuối độ tuổi trẻ nhà trẻ, cuối các năm học của trẻ mẫu giáo được phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN (đạt 100%).

Tồn tại, hạn chế:

Tổ chuyên môn, tổ chức sinh hoạt chưa phong phú về nội dung, chưa chú trọng việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho giáo viên trong tổ; kế hoạch NDCSGD trẻ ở nhóm, lớp phân đánh giá trẻ còn sơ sài chưa chi tiết; việc sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm tại các góc, khu vực chơi ngoài trời còn ít.

III. Thực hiện quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo hành trẻ

Đầu các năm học, Trường tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí về an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích (ATPCTNTT); xây dựng kế hoạch trường học ATPCTNTT theo năm học, cuối năm học tổ chức tự đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT²². Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã quan tâm đầu tư kinh phí cho công tác xây dựng trường học ATPCTNTT trong nhà trường với tổng số tiền là: 1.270.077.000 đồng; đồng thời xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tốt nội dung chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ em” theo quy định²³. Trẻ em được

²¹ “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025; chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam”; chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non”.

²² Biên bản rà soát đánh giá các tiêu chí về trường học ATPCTNTT ngày 22/09/2021; 29/8/2022; 29/08/2023. Bảng kiểm cơ sở GDMN ATPCTNTT theo Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/04/201. Kế hoạch số 64/KH-TrMN ngày 14/10/2021; Kế hoạch số 75/KH-TrMN ngày 23/09/2022; Kế hoạch số 165/KH-TrMN ngày 09/10/2023 và các phương án: Phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông; phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống bạo hành, xâm hại; phòng tránh trẻ bị thất lạc; phòng, chống cháy, nổ; ứng phó với dịch bệnh, thảm họa, thiên tai trong nhà trường.

Xây dựng báo cáo việc thực hiện xây dựng trường học ATPCTNTT trong nhà trường: (Báo cáo sơ kết số: 04/BC-TrMN ngày 07/01/2022 năm học 2021-2022; Báo cáo sơ kết số: 04/BC-TrMN ngày 10/01/2023 năm học 2022-2023). Báo cáo tổng kết ở các năm học của đơn vị (Báo cáo tổng kết số: 28/BC-TrMN, ngày 31/5/2022 năm học 2021-2022; Số 74/BC-TrMN, ngày 30/5/2023 năm học 2022-2023).

CBGVNV trong nhà trường thực hiện cơ bản đảm bảo các nội dung quy định về: môi trường giáo dục; nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; tuyên truyền, huy động sự tham gia của gia đình và cộng đồng giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn cho trẻ em; không để xảy ra mất an toàn trong nhà trường.

²³ Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 103a/KH-TrMN ngày 28/10/2022 về phòng chống bạo hành trẻ em trong trường mầm non.

bảo vệ, được đối xử công bằng, nhân ái; không bị bạo hành, xâm hại; môi trường giáo dục không có các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, sức khỏe trẻ.

Tồn tại, hạn chế:

Tại thời điểm thanh tra, một số tiêu chí chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021: tại khu Trung tâm, một số hệ thống bồn hoa có góc cạnh sắc nhọn (Tiêu chí 5); Trường chưa bố trí được khu thu gom rác thải độc lập (Tiêu chí 7); Phòng y tế chưa có rèm che, biểu bảng còn sơ sài, tủ thuốc còn bé (Tiêu chí 9); Bảng truyền thông về đảm bảo an toàn, phòng chống dịch bệnh nội dung tuyên truyền chưa chi tiết (Tiêu chí 44).

IV. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

Địa điểm, quy mô, diện tích: Đơn vị có 03 điểm trường được đặt gần khu dân cư, có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ. Tổng diện tích đất đang sử dụng là 8.550m²; trong đó điểm trường Trung tâm 4.590 m², bình quân 15m²/01 trẻ; điểm trường Thượng Hoà 2.760m², bình quân 44,5m²/01 trẻ; điểm trường Phương Đông 1.200m², bình quân 30,7m²/01 trẻ.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: hiện tại, cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo xanh- sạch- đẹp; nhiều hạng mục công trình được xây mới đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường học, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT. Khối phòng hành chính quản trị: có 07 phòng, 03 khu vệ sinh dành cho CBGVNV, 03 khu để xe của CBGVNV; khối phòng NDCSGD trẻ em: có 15 phòng NDCSGD trẻ/15 nhóm, lớp (sử dụng tổ chức các hoạt động giáo dục, tổ chức bữa ăn- ngủ cho trẻ), 15 khu vệ sinh khép kín, 15 hiên chơi, 15 kho nhóm, lớp, 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng tin học, 01 phòng ngoại ngữ, 03 sân chơi; khối phòng tổ chức ăn: có 03 nhà bếp, 03 kho bếp; khối phụ trợ: có 01 phòng Y tế, 03 nhà kho, 03 sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm; (các điểm trường có cổng, biển, tường bao xung quanh khuôn viên trường); hạ tầng kỹ thuật: có 03 hệ thống cấp nước sạch, 03 hệ thống cấp điện, 03 hệ thống phòng cháy, chữa cháy và tiêu lệnh chữa cháy, 03 hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và 03 khu thu gom rác thải.

Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ, Sở GDĐT, hiện đáp ứng yêu cầu dạy và học trong nhà trường, có: 11 thiết bị dùng chung, có 1.375 thiết bị phòng NDCSGD trẻ (trong đó có 1.315 thiết bị quy định đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm, lớp); 05 thiết bị phòng giáo nghệ thuật; 02 thiết bị phòng giáo dục thể chất; 03 danh mục thiết bị phòng họp CBGVNV (có 43 ghế, đủ chỗ ngồi cho CBGVNV); 06 thiết bị phòng y tế; 21 thiết bị đồ chơi ngoài trời; 18 thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp; 05 thiết bị văn phòng.

- *Thực hiện quy định việc lựa chọn, khai thác, sử dụng đồ chơi, học liệu theo quy định tại Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT:* nhà trường đã căn cứ vào yêu cầu, nguyên tắc lựa chọn đồ chơi, học liệu; căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thực hiện chủ đề, chuyên đề do Bộ GDĐT quy định và thực tiễn các hoạt động NDCSGD trẻ em, tiến hành rà soát, phân loại đồ chơi, học liệu hiện có; trên cơ sở danh mục đồ chơi, học liệu do giáo

viên và cán bộ quản lý đề xuất, Hiệu trưởng thành lập tổ mua sắm, lựa chọn đồ chơi, học liệu thực hiện theo đúng quy trình²⁴.

- *Việc quản lý, sử dụng tài sản*: tài sản của nhà trường được quản lý, thống kê đầy đủ về hiện vật và giá trị. Trường đã thực hiện việc tổ chức kiểm tra; kiểm kê, thống kê tài sản thiết bị đồ dùng; hồ sơ tài sản nhà trường cơ bản đảm bảo quy định²⁵.

Tồn tại, hạn chế:

Điểm trường khu Trung tâm, khu Phương Đông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, Điều 147, Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

Trường thiếu 11 thiết bị dùng chung; 232 thiết bị phòng NDCSGD (trong đó thiếu 143 thiết bị quy định đồ dùng, thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm, lớp); thiếu 05 thiết bị phòng giáo dục nghệ thuật; 03 thiết bị phòng giáo dục thể chất; 04 danh mục thiết bị phòng họp CBGVNV; 04 thiết bị phòng y tế; thiếu 81 thiết bị đồ chơi ngoài trời (tập trung ở điểm trường Thượng Hoà, Phương Đông); 18 thiết bị đồ dùng nhà bếp và 01 thiết bị văn phòng.

V. Thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác

a) Việc triển khai, thực hiện các văn bản quy định của các cấp về thu, quản lý sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác:

Nhà trường bám sát vào các văn bản chỉ đạo của các cấp; đầu các năm học xây dựng kế hoạch các khoản thu, có dự toán thu, chi; cuối các năm học thực hiện báo cáo quyết toán các khoản thu, chi²⁶. Các khoản thu được niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường; phổ biến, thống nhất với cha mẹ trẻ trong cuộc họp đầu năm học.

²⁴ Quyết định về việc thành lập tổ mua sắm, giám sát và lựa chọn đồ dùng, đồ của trường học trong năm học: Quyết định số 73a/QĐ-TrMN ngày 08/12/2021; Quyết định số 42a/QĐ-TrMN ngày 25/8/2022; Quyết định số 120 /QĐ-TrMN ngày 28/8/2023.

²⁵ Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (Quyết định số 05a/QĐ-TrMN ngày 10/01/2021; Quyết định số 01a/QĐ-TrMN ngày 04/01/2022; Quyết định số 97/QĐ-TrMN ngày 10/8/2023; Các biên bản kiểm kê, kiểm tra tài sản, thiết bị; các biên bản thanh lý công cụ dụng cụ; Sổ theo dõi tài sản (tài sản cố định, công cụ, dụng cụ, đồ dùng mau hỏng; các biên bản bàn giao tài sản...).

²⁶ Năm học 2021-2022: Kế hoạch số 82/KH-TrMN ngày 16/12/2021 về việc triển khai các khoản thu, quản lý và sử dụng các khoản thu năm học 2021- 2022 (Học phí nhà trẻ: 85.000 đồng/trẻ/tháng; mẫu giáo: 73.000 đồng/trẻ/tháng ; tiền ăn của trẻ từ tháng 9 đến tháng 12/2021 là 16.000 đồng/trẻ/ngày, từ tháng 01 đến tháng 5/2022 là 18.000 đồng/trẻ/ngày; tiền thuê nhân viên nấu ăn 60.000 đồng/trẻ/tháng; tiền điện 10.000 đồng/trẻ/tháng, tiền nước 14.000 đồng/trẻ/tháng và tiền vệ sinh trường lớp 15.000 đồng/trẻ/tháng, tiền đồ dùng đồ chơi theo VBHN số 01 là 200.000 đồng/trẻ/năm; tiền mua bổ sung đồ dùng chăm sóc trẻ ăn bán trú 250.000 đồng/trẻ/năm (trẻ mới đi học năm đầu), 90.000 đồng/trẻ/năm (trẻ đã đi học từ các năm học trước). Báo cáo số 28a/BC- TrMN ngày 27/5/2022 về việc báo cáo quyết toán các khoản thu, chi năm học 2021 - 2022.

Năm học 2022-2023: Kế hoạch số 84/KH-TrMN ngày 10/10/2022 về việc triển khai các khoản thu, quản lý và sử dụng các khoản thu năm học 2022- 2023, Học phí nhà trẻ: 85.000 đồng/trẻ/tháng; mẫu giáo: 73.000 đồng/trẻ/tháng ; tiền ăn của trẻ 18.000 đồng/trẻ/ngày; tiền thuê nhân viên nấu ăn 60.000 đồng/trẻ/tháng; tiền điện 25.000 đồng/trẻ/tháng (tháng sử dụng điều hòa tháng 9,10,3,4,5), 14.000 đồng/trẻ/tháng (tháng không sử dụng điều hòa tháng 11,12,01,02), tiền nước 20.000 đồng/trẻ/tháng, tiền vệ sinh trường lớp 18.000 đồng/trẻ/tháng, tiền đồ dùng đồ chơi theo VBHN số 01 là 200.000 đồng/trẻ/năm; tiền mua bổ sung đồ dùng chăm sóc trẻ ăn bán trú 250.000 đồng/trẻ/năm (trẻ mới đi học năm đầu), 90.000 đồng/trẻ/năm (trẻ đã đi học từ các năm học trước). Báo cáo số 27a/BC- TrMN ngày 26/5/2023 về việc báo cáo quyết toán các khoản thu, chi năm học 2022- 2023.

Năm học 2023-2024: Kế hoạch số 84/KH-TMN ngày 02/10/2023 các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024, Học phí nhà trẻ: 85.000 đồng/trẻ/tháng; mẫu giáo: 73.000 đồng/trẻ/tháng, tiền ăn của trẻ 18.000 đồng/trẻ/ngày (từ tháng 9/2023), 20.000 đồng/trẻ/ngày (từ tháng 10/2023); tiền thuê LỄ ĐỒ NẤU ĂN 70.000 đồng/trẻ/tháng; tiền điện 28.000 đồng/trẻ/tháng (tháng sử dụng điều hòa tháng 9,10,3,4,5), 15.000 đồng/trẻ/tháng (tháng không sử dụng điều hòa tháng 11,12,01,02); tiền nước 20.000 đồng/trẻ/tháng tiền vệ sinh trường lớp, khu vệ sinh 22.000

Học phí thu được, Trường đã thực hiện nộp qua kho bạc nhà nước đầy đủ, trích 40% nguồn thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định của Chính phủ, 60% chi hoạt động chuyên môn, có sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của Bộ Tài Chính. Năm học 2021-2022 (do trẻ nghỉ dịch Covid-19 nên học kỳ I, thu 3,5 tháng; học kỳ II, thu 3 tháng); tổng thu, chi: 224.071.900 đồng (*trong phần chi số tiền đã chi trả lại cha mẹ trẻ: 70.082.000 đồng do nghỉ dịch Covid-19*). Năm học 2022-2023 (thu 09 tháng); tổng thu, chi: 296.663.900 đồng. Năm học 2023-2024, từ đầu năm học đến thời điểm thanh tra thu được: 116.610.800 đồng, chưa chi.

b) Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Năm học 2021-2022, tổng kinh phí thu, chi: 1.503.359.500 đồng (trong đó dư năm học trước chuyển sang: 13.711.500 đồng, thu trong năm học: 1.489.648.000 đồng), trong phần chi có số tiền đã chi trả lại phụ huynh do nghỉ dịch Covid-19 là 126.606.000 đồng. Năm học 2022-2023, tổng kinh phí thu, chi: 2.051.461.000 đồng. Năm học 2023-2024 (từ đầu năm học đến tháng 12/2023) tổng thu: 869.718.000 đồng²⁷; tổng chi đến ngày 18/12/2023: 601.601.500 đồng; còn 268.116.500 đồng.

c) Khoản vận động tài trợ từ các tổ chức, cá nhân

Trường thực hiện quy trình vận động từ các tổ chức, cá nhân tài trợ cơ bản đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ GDĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Công văn số 1405/SGDĐT-KHTC, ngày 30/11/2018 của Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018. Năm học 2021-2022, nhà trường không triển khai việc vận động, tiếp nhận tài trợ (do tình hình Covid-19); năm học 2022-2023, Trường tiếp nhận từ các tổ chức, cá nhân với các hiện vật, gồm 01 chiếc Quạt điện (lớp 4 tuổi C), 03 Ghế đá, 73 Cây cảnh, 04 bộ rèm che cửa (lớp 3 tuổi và 2 tuổi khu phương Đông), giá trị tiền: 14.985.000 đồng; khoản tài trợ, có biên bản, danh sách tiếp nhận, được ghi chép trong sổ tầm lòng vàng, theo dõi trên hệ thống hồ sơ sổ sách kế toán và được sử dụng đúng mục đích; hồ sơ tài sản khá đầy đủ.

d) Đồ dùng, học liệu cá nhân trẻ

Trường căn cứ danh mục đồ dùng, đồ chơi, học liệu quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GDĐT và nhu cầu sử dụng đồ dùng sinh hoạt của cá nhân trẻ; thực hiện quy trình lựa chọn đồ chơi, học liệu theo Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT; phổ biến, thống nhất với phụ huynh trẻ đầu năm học các danh mục đồ dùng, học liệu cần trang bị cho trẻ. Đầu các năm học, nhà trường họp, thống nhất phụ huynh là Trường thu tiền, mua giúp đồ dùng, học liệu cho trẻ sử dụng trong năm học, cuối năm trả lại trẻ em.

đ) Các khoản thu khác (Bảo hiểm thân thể)

Năm học 2021-2022, không có trẻ tham gia Bảo hiểm; năm học 2022-2023, nhà trường đã họp, thống nhất với cha mẹ trẻ thực hiện việc thu hộ tiền Bảo hiểm của trẻ

đồng/trẻ/tháng; tiền mua bổ sung đồ dùng chăm sóc trẻ ăn bán trú 300.000 đồng/trẻ/năm (trẻ mới đi học năm đầu), 100.000 đồng/trẻ/năm (trẻ đã đi học từ các năm học trước), tiền đồ dùng đồ chơi theo VBHN số 01 là 200.000 đồng/trẻ/năm.

²⁷ Bao gồm: tiền ăn của trẻ; tiền thuê nhân viên nuôi dưỡng; tiền vệ sinh trường lớp; tiền nước uống, nước sinh hoạt và tu sửa đường nước; tiền điện sáng và tu sửa đường điện; tiền đồ dùng chăm sóc bán trú; tiền đồ dùng thiết bị theo VBHN số 01 (cá nhân trẻ)

theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Míc (02 mức đóng), có 164 trẻ tham gia mức đóng: 100.000 đồng/trẻ/năm và có 37 trẻ tham gia mức đóng: 150.000 đồng/trẻ/năm; tổng thu: 21.950.000 đồng; năm học 2023-2024, có 109 trẻ tham gia mức đóng: 100.000 đồng/trẻ/năm và có 41 trẻ tham gia mức đóng: 150.000 đồng/trẻ/năm; tổng thu: 17.050.000 đồng. Số tiền thu hộ được, Trường đã nộp cho công ty Bảo hiểm theo hợp đồng.

e) Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em

Các năm học, trong thời kỳ thanh tra, kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em nhà trường, được trích từ kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em các nhóm, lớp. Năm học 2021-2022, kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trường là 9.280.000 đồng, năm học 2022-2023 là 8.840.000 đồng (kinh phí đã chi hết trong năm học theo quy định kinh phí chi hoạt động của Ban); năm học 2023-2024, cha mẹ trẻ không thực hiện thu.

Tồn tại, hạn chế:

Việc ghi chép trong cuộc họp cha mẹ trẻ em ở một số nhóm, lớp chưa ghi đầy đủ nội dung (phần thông qua kế hoạch vận động tài trợ năm học...); Trường chưa sử dụng nhập hóa đơn điện tử, in hóa đơn giao cho phụ huynh và lưu hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính (khoản thu học phí năm học 2021-2022, năm học 2022-2023).

Còn có một số chứng từ chi sử dụng hóa đơn bán lẻ trên 200.000 đồng, chưa đúng quy định của Bộ Tài chính (phần chi kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em nhà trường).

C. KẾT LUẬN CHUNG

I. Ưu điểm

Các năm học (trong thời kỳ thanh tra) các văn bản của Trường ban hành về cơ bản thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền; văn bản được truyền đạt kịp thời các thông tin quản lý tới các tổ, bộ phận, cá nhân trong nhà trường; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành về giáo dục, GDMN tới CBGVNV trong nhà trường và cha mẹ trẻ.

Trường có đủ các tổ chức, đoàn thể theo quy định; các tổ chức đoàn thể, các hội đồng trong nhà trường xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ khá tốt; đã bố trí phân công CBGVNV phù hợp năng lực để thực hiện nhiệm vụ hiệu quả trong công tác NDCSGD.

Chỉ đạo thực hiện chương trình NDCSGD theo quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và tổ chức NDCSGD trẻ em đảm bảo quy định, phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng, nhu cầu của trẻ. Trẻ được tiếp nhận, học tại trường đúng độ tuổi; được quản lý theo dõi đảm bảo an toàn, hưởng quyền lợi, chế độ chính sách đúng quy định.

Nhà trường tích cực tham mưu tốt với các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương quan tâm đầu tư cơ sở vật chất để đảm bảo các điều kiện NDCSGD trẻ; khuôn viên trường lớp đảm bảo xanh- sạch- đẹp; quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất; hồ sơ theo dõi, quản lý tài sản khá đầy đủ.

II. Tồn tại, hạn chế

Công tác quản lý, chỉ đạo, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ của nhà trường còn tồn tại, hạn chế, hiệu quả chưa cao: còn có văn bản ban hành nội dung còn sơ sài, chưa đầy đủ, thiếu căn cứ pháp lý, có căn cứ không đúng; tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn chưa phong phú về nội dung, chưa chú trọng việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho giáo viên trong tổ; kế hoạch NDCSGD trẻ ở nhóm, lớp phần đánh giá trẻ còn sơ sài chưa chi tiết; việc sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm tại các góc, khu vực chơi ngoài trời còn ít; Báo cáo kết quả kiểm tra một số cuộc kiểm tra, chưa chỉ rõ được mức độ tồn tại, hạn chế/nhược điểm và trách nhiệm của cá nhân có liên quan; một số nội dung công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường chưa kịp thời; việc ghi chép trong cuộc họp cha mẹ trẻ em ở một số nhóm, lớp chưa ghi đầy đủ nội dung (phần thông qua kế hoạch vận động tài trợ năm học...); Trường chưa sử dụng nhập hóa đơn điện tử, in hóa đơn giao cho phụ huynh và lưu hóa đơn theo quy định của Bộ Tài Chính (khoản thu học phí năm học 2021-2022, năm học 2022-2023).

Tại thời điểm thanh tra, số lượng, trình độ đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường chưa đảm bảo theo quy định: Thiếu 01 giáo viên là viên chức, thiếu 02 nhân viên chuyên môn dùng chung; Trường hợp đồng 01 giáo viên dưới chuẩn; còn 06 nhân viên (nấu ăn, bảo vệ) chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghề theo quy định.

Điểm trường khu Trung tâm, khu Phương Đông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Trường còn thiếu thiết bị, đồ dùng (thiết bị dùng chung; thiết bị phòng NDCSGD, thiết bị quy định đồ dùng dạy học tối thiểu cho các nhóm, lớp; thiết bị phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, phòng họp CBGVNV; thiết bị đồ chơi ngoài trời, đồ dùng nhà bếp, văn phòng trường). Một số tiêu chí quy định về an toàn trường học, chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDDT ngày 31/12/2021 (Trường chưa bố trí được khu thu gom rác thải độc lập; phòng Y tế chưa có rèm che, biểu bảng còn sơ sài, tủ thuốc còn bé; Bảng truyền thông về đảm bảo an toàn, phòng chống dịch bệnh nội dung tuyên truyền chưa chi tiết; điểm trường khu Trung tâm, một số bồn hoa có góc cạnh sắc nhọn).

Một số chứng từ chi sử dụng hóa đơn bán lẻ trên 200.000 đồng, chưa đúng quy định của Bộ tài chính (phần chi kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em nhà trường).

D. KIẾN NGHỊ, YÊU CẦU

I. Đối với Hiệu trưởng và Trường Mầm non Gia Thanh

1. Tiếp tục phát huy những ưu điểm, thành tích đã đạt được đồng thời rà soát, khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra; xác định rõ trách nhiệm đối với từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế nêu trên.

2. Thực hiện việc ban hành văn bản theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư (nội dung, căn cứ pháp lý); thực hiện đảm bảo công tác kiểm tra nội bộ, việc thực hiện công khai, công tác quản lý hồ sơ tài chính và cập nhật thông tin trong các cuộc họp cha mẹ học sinh; chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn (việc đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt tổ, thực hiện đánh giá trẻ và sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên cho trẻ thực hành trải nghiệm); phối hợp, hướng dẫn Ban

ĐDCMTE trong nhà trường sử dụng kinh phí hoạt động của Ban đúng quy định (sử dụng hóa đơn mua bán).

3. Tham mưu cấp có thẩm quyền tuyển dụng, bố trí đủ số lượng giáo viên, nhân viên chuyên môn dùng chung cho nhà trường theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN, có hiệu lực từ ngày 16/12/2023 và các văn bản quy định hiện hành có liên quan; bố trí đào tạo, bồi dưỡng cho nhân viên (nấu ăn, bảo vệ) phù hợp trình độ, kỹ năng nghề theo quy định tại Văn bản số 580/BNV-TCBC ngày 17/02/2023 của Bộ Nội vụ về việc đính chính các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TTBNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; sử dụng lao động hợp đồng (giáo viên) đảm bảo trình độ đào tạo chuyên môn theo quy định.

4. Tham mưu với UBND xã Gia Thanh hoàn tất Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 điểm trường của nhà trường theo quy định; bố trí kinh phí bổ sung, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình đảm bảo quy định theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 quy định về an toàn trường học và mua sắm, bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đầy đủ.

II. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gia Viễn

1. Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra Trường MN Gia Thanh khắc phục tồn tại, nhược điểm mà Đoàn Thanh tra đã nêu và các kiến nghị trong Kết luận thanh tra.

2. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục trẻ, chỉ đạo sinh hoạt tổ chuyên của nhà trường; công tác kiểm tra nội bộ nhà trường để nâng cao chất lượng hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý; chất lượng NDCSGD trẻ.

3. Tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện bố trí đủ giáo viên, nhân viên cho nhà trường.

III. Đối với Ủy ban nhân dân xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn

Hoàn thiện hồ sơ, tham mưu cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 điểm trường của Trường MN Gia Thanh theo quy định; bố trí kinh phí bổ sung, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình đảm bảo quy định theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 quy định về an toàn trường học.

Trên đây là Kết luận thanh tra chuyên ngành Trường MN Gia Thanh, huyện Gia Viễn, yêu cầu Hiệu trưởng nhà trường thực hiện nghiêm yết, công khai Kết luận thanh tra tại đơn vị theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Trường MN Gia Thanh, huyện Gia Viễn;
- Giám đốc Sở GDĐT;
- Ông Đinh Văn Khâm, Phó GD Sở GDĐT;
- Phòng GDĐT huyện Gia Viễn;
- UBND xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn;
- Phòng GDMN Sở GDĐT;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TTr.

